TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **102/**2023/DS-ST
Ngày: 27/9/2023
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích;

2. Ông Lê Văn Đạo.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 143/2023/TLST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2023, bản tự khai ngày 31/7/2023, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày như sau:*

Vào năm 2021, bà có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị L làm chủ. Sau đó bà Nguyễn Thị L tuyên bố bể hụi. Bà có gặp bà Nguyễn Thị L để kết nợ và bà Nguyễn Thị L thừa nhận còn nợ bà số nợ hụi là 225.600.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Bà L có viết giấy nợ hụi cho bà. Bà có yêu cầu trả tiền nhiều lần nhưng bà L không trả. Việc chơi hụi ông Lê Văn C là chồng của bà L có biết việc này. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả bà số nợ hụi 225.600.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

** Theo bản tự khai ngày 31/7/2023, biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2023 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:*

Bà thừa nhận lời trình bày của bà Trần Thị T là đúng. Qua yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T thì bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền hụi là 225.600.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Nay, bà T khởi kiện yêu cầu bà trả số nợ 225.600.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) thì bà đồng ý.

Đối với yêu cầu ông C cùng liên đới trả nợ thì bà không có ý kiến. Tại địa phương, bà đã làm chủ hụi trên 20 năm, việc làm chủ hụi có thu nhập thì dùng để lo cho gia đình. Bà và ông C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B. Bà thường khui hụi, mở hụi tại nhà, ông C cũng biết việc bà làm chủ hụi, những lần góp hụi mà bà không đi được thì ông C đi góp hụi thay bà và bà trả công 150.000 đồng/buổi.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tống đạt hợp lệ cho ông Lê Văn C các văn bản tố tụng nhưng ông Lê Văn C vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử dù ông C có mặt tại địa phương nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Lê Văn C.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể*

từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn có chấp hành tốt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hụi" của bà Trần Thị T đối với bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C. Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ hụi là 225.600.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Ghi nhận bà Trần Thị T không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả tiền hụi. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp hụi" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị L có đăng ký thường trú tại ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 18/8/2023. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông C là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền nợ hụi 225.600.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Bà Nguyễn Thị L thừa nhận có nợ bà Trần Thị T số tiền hụi 225.600.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) và đồng ý trả số tiền này. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị L là chủ hụi nhưng không giao đầy đủ tiền hụi cho hụi viên là đã vi phạm trách nhiệm của chủ hụi được quy định tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về số tiền hụi 225.600.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm liên đới: Bà Trần Thị T yêu cầu ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị L trả số nợ hụi 225.600.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Xét thấy, bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi lâu năm tại địa phương. Bà L thừa nhận việc làm chủ hụi có thu nhập thì dùng để phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình. Việc chơi hụi này, ông Lê Văn C có biết vì việc mở hụi, khui hụi tại nhà, những lần góp hụi mà bà không đi được thì ông C đi góp hụi thay bà. Do đó, có cơ sở xác định số tiền nợ hụi của bà Nguyễn Thị L là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và ông Lê Văn C cũng phải có nghĩa vụ liên đới trong việc trả số nợ này. Căn cứ Điều 27, Điều 33, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hụi là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu tính lãi: Bà Trần Thị T không yêu cầu tính lãi số nợ trên do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu được chấp nhận nên bà Trần Thị T không phải chịu án phí. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định.

Thấy rằng, ngày 29/8/2023, bà Nguyễn Thị L có đơn xin miễn nộp tiền án phí và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận "gia đình có hoàn cảnh khó khăn". Xét thấy, bà Nguyễn Thị L không thuộc trường hợp "Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp án phí" theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy, bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C vẫn phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định.

Cụ thể: 225.600.000 đồng x 5% = 11.280.000 đồng (Mười một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 90 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 27, Điều 33, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường.

Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C về việc "Tranh chấp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền hụi 225.600.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ghi nhận bà Trần Thị T không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí 11.280.000 đồng (Mười một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Trần Thị T được hoàn lại số tiền án phí đã nộp 5.640.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005056 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bà Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ